

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XLDK VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Số: 32 /XLDKTH-TCKT

V/v: Công bố giải trình BCTC 6 tháng đầu năm
2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty CP xây lắp dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH) xin giải trình về sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 so với 6 tháng đầu năm 2019 chi tiết như sau:

- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020: - 1.839.774.166 đồng.
- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019: - 2.679.366.236 đồng.

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020 đạt hơn lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 là do doanh thu hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2020 đạt 3.354.968.458 đồng, cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái đạt 1.517.297.610 đồng.

Trên đây là giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty CP xây lắp dầu khí Thanh Hóa.

Trân trọng báo cáo !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P2.P4.



GIÁM ĐỐC
Đoàn Hữu Trác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (“Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 11 năm 2020. Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng (*Hai trăm mười tỷ đồng*).

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp và kinh doanh bất động sản.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Dũng	Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Tú	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Lê Văn Đức	Trưởng ban kiểm soát (bổ nhiệm 03/12/2020)
Nguyễn Thị Minh Phương	Trưởng ban kiểm soát (miễn nhiệm 02/12/2020)
Ông Hoàng Ngọc Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Đỗ Dương Thông	Thành viên Ban kiểm soát

Ban Giám đốc

Ông Đoàn Hữu Trắc	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/11/2020)
Ông Nguyễn Quốc Đạt	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/11/2020)
Bà Vũ Thị Hà	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Liêm	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Giám đốc

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Đối với việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Đoàn Hữu Trắc

Giám đốc

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Số: 80/2021/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi : **Các Cổ đông**
 Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 19/03/2021 từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- Như trình bày tại Thuyết minh V.05a, khoản phải thu các nhà thầu với số tiền 24.730.140.084 đồng bao gồm các khoản chi phí chung mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia Dự án lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán. Tại thời điểm 30/06/2020, tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu chưa được xác định nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ này. Do đó, chúng tôi cũng không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu, đúng đắn, cũng như khả năng thu hồi của khoản phải thu này;
- Như trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính V.05b, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có bất kỳ bằng chứng nào khẳng định số nợ phải thu của ông Dương Trọng Hưng: 7.598.015.237 đồng, ông Nguyễn Trung Liêm: 7.122.279.690 đồng và ông Lương Hoàng: 10.353.525.966 đồng là hiện hữu. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và khả năng thu hồi của các khoản phải thu nêu trên và ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến Báo cáo cho giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty;
- Như đã trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số V.06, tại ngày 30/06/2020, Công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi có giá trị là 6.053.959.465 đồng của khoản công nợ phải thu của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Trường Sơn và Công ty CP Xây dựng và Dân dụng dầu khí (PVC-IC). Nếu trích dự phòng đúng quy định, lãi cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 giảm đi một khoản tương ứng;

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp theo)

- Công ty đang hạch toán số tiền lãi phải thu từ nợ gốc phải thu quá hạn của Công ty CP Xây dựng và Dân dụng dầu khí (PVC-IC) trong Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2020 với số tiền là 1.750.748.646 đồng;
- Như trình bày tại Thuyết minh V.09a, chi phí đi vay (ước tính) liên quan đến dự án “Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở” từ năm 2015 đến 30/06/2020 chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính. Trong đó, khoản lãi vay chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 ước tính là 18.238.797.467 đồng. Nếu hạch toán khoản chi phí lãi vay này thì lãi hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 sẽ giảm đi một khoản tương ứng;
- Theo thông báo số 03/2019/TB-TLVA ngày 19/12/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã thụ lý vụ án KDTM số 03/2019/TLST-KDTM về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Những vấn đề cụ thể PVcomBank yêu cầu Tòa án giải quyết gồm: buộc PVC-TH phải trả cho PVcombank toàn bộ số tiền nợ (gốc, lãi vay) tạm tính đến ngày 30/09/2019 theo HĐTD 14 và HĐTD 01 là 680.680.728.039 đồng và phải tiếp tục trả lãi theo 02 hợp đồng trên kể từ ngày 01/10/2019 đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ vay tại PVcombank. Nếu thực hiện theo yêu cầu này thì tổng nợ phải trả ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn tại ngày 30/06/2020 và khiến cho công ty không thể thanh toán nợ đến hạn. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty lỗ nhiều năm liên tiếp, lỗ lũy kế tại ngày 30/06/2020 là 96.460.633.693 đồng. Những điều kiện này cùng những vấn đề khác được nêu tại “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” nêu trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng liên tục hoạt động của Công ty;

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.09 (a) phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh quản lý và khai thác sử dụng khi chưa có sự chấp thuận của PVcombank;
- Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh số V.09 (b) phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Dự án 157 ha Nghi Sơn của Công ty đã bị chấm dứt tại ngày 01/08/2013 theo quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS của Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn. Công ty đã đề nghị nhà đầu tư tiếp nhận dự án hoàn trả số chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án mà công ty đã chi trả có giá trị là 11.661.761.861 đồng. Đến ngày phát hành báo cáo này, hai bên vẫn chưa thống nhất được số tiền hoàn trả;

**Nguyễn Tài Dũng****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số 14/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		210.507.167.611	210.388.851.299
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	629.945.870	744.473.840
1. Tiền	111		629.945.870	744.473.840
II. Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.04	37.045.815.134	45.051.603.931
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		37.045.815.134	45.051.603.931
III. Các khoản phải thu	130		91.371.402.746	96.444.340.631
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	45.692.331.722	52.990.431.709
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.343.099.437	2.831.500.686
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	43.335.971.587	40.622.408.236
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	78.688.832.957	66.469.214.628
1. Hàng tồn kho	141		78.688.832.957	66.469.214.628
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.771.170.904	1.679.218.269
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	1.110.063.308	930.428.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.600.585.774	688.267.946
3. Thuế và các khoản phải thu NN	153	V.15	60.521.822	60.521.822
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			409.494.482.291	410.424.661.273
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		138.455.003.635	138.455.003.635
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	71.091.404.792	71.091.404.792
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03	39.286.577.950	39.286.577.950
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05	28.097.020.893	28.097.020.893
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(20.000.000)	(20.000.000)
II. Tài sản cố định	220		115.762.258	166.626.384
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	115.762.258	166.626.384
- Nguyên giá	222		6.761.436.470	10.391.114.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.645.674.212)	(10.224.488.070)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	51.757.088.494	52.636.403.350
- Nguyên giá	231		73.235.868.711	73.235.868.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.478.780.217)	(20.599.465.361)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	219.108.857.670	219.108.857.670
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		199.600.912.198	199.600.912.198
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		19.507.945.472	19.507.945.472
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.296.788.082	18.296.788.082
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.296.788.082)	(18.296.788.082)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		57.770.234	57.770.234
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	57.770.234	57.770.234
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		620.001.649.902	620.813.512.572

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		498.538.806.015	497.510.894.519
I. Nợ ngắn hạn	310		98.199.932.100	97.555.844.028
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	10.279.216.300	10.291.682.393
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.165.432.919	1.353.162.589
3. Thuế và các khoản phải nộp NN	313	V.15	540.363.549	70.689.219
4. Phải trả người lao động	314		978.972.098	1.423.492.378
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	97.729.679	97.729.679
7. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	254.144.411
8. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	81.745.578.064	80.672.303.868
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.392.639.491	3.392.639.491
II. Nợ dài hạn	330		400.338.873.915	399.955.050.491
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	72.426.285.879	71.799.482.661
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	18.045.790.257	18.288.770.051
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	309.866.797.779	309.866.797.779
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		121.462.843.887	123.302.618.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	121.462.843.887	123.302.618.053
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.355.535.090	6.355.535.090
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.567.942.490	1.567.942.490
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(96.460.633.693)	(94.620.859.527)
- LNST chưa phân phối (lô) lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(94.620.859.527)	(86.843.600.015)
- LNST chưa phân phối (lô) kỳ này	421b		(1.839.774.166)	(7.777.259.512)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		620.001.649.902	620.813.512.572

Người lập biểu



Trịnh Thị Hoạch

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quang

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



Đoàn Hữu Trác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Chỉ tiêu	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	6.229.073.907	13.544.106.129
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		6.229.073.907	13.544.106.129
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	7.170.137.398	12.839.516.280
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		(941.063.491)	704.589.849
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	3.354.968.458	1.517.297.610
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.075.208.102	1.063.392.626
- Trong đó: Chi phí lãi vay			1.075.208.102	1.063.392.626
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.126.861.237	3.615.306.556
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.788.164.372)	(2.456.811.723)
11. Thu nhập khác	31	VI.05	50.000.000	28.806.228
12. Chi phí khác	32	VI.06	101.609.794	251.360.741
13. Lợi nhuận khác	40		(51.609.794)	(222.554.513)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.839.774.166)	(2.679.366.236)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.839.774.166)	(2.679.366.236)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(88)	(128)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(88)	(71)

Người lập biểu



Trịnh Thị Hoạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quang

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



Đoàn Hữu Trắc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mẫu số B 03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	(1.839.774.166)	(2.679.366.236)
2 Điều chỉnh cho các khoản		363.894.544	634.251.607
- Khấu hao TSCĐ	02	892.906.254	1.134.657.547
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.604.219.812)	(1.563.798.566)
- Chi phí lãi vay	06	1.075.208.102	1.063.392.626
3 Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.475.879.622)	(2.045.114.629)
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	4.110.620.057	2.208.056.545
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(12.219.618.329)	(3.620.617.092)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	(72.751.151)	(922.711.635)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(179.634.807)	(208.549.914)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(9.837.263.852)	(4.588.936.725)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TSDH khác	21	62.727.273	-
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	50.000.000	150.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.994.211.203)	(19.071.393.902)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	35.000.000.000	19.506.531.572
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.604.219.812	865.327.001
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	9.722.735.882	1.450.464.671
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển thuần trong kỳ	50	(114.527.970)	(3.138.472.054)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	744.473.840	4.582.492.506
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	629.945.870	1.444.020.452

Người lập biểu



Trinh Thị Hoạt

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Quang

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



Đoàn Hữu Trác

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa được trước đây là Công ty Cổ phần Thịnh Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần với mã số 2800947548, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 2 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 04 tháng 11 năm 2020.

Theo đó vốn điều lệ của Công ty là 210.000.000.000 đồng (Hai trăm mười tỷ đồng).

Địa chỉ trụ sở Công ty: Tòa nhà Dầu khí, số 38A Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa

Số lượng lao động tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 42 người (tại ngày 30/06/2019 là 52 người)

2. Ngành nghề kinh doanh chính

- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Khai thác lâm sản trừ gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê. Đầu tư cải tạo đất, đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê đã có hạ tầng, phát triển các dự án nhà ở trong khu đô thị, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Đại lý du lịch, điều hành tour du lịch;
- Xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình đường dây và trạm biến áp đến 35kv, công trình thể thao ngoài trời, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, khu kinh tế;
- Phá dỡ, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất sắt, thép, gang; sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bảo dưỡng sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Kho bãi lưu giữ hàng hóa; và một số dịch vụ khác

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập từ ngày 01/01 đến ngày 30/06.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 31/03/2016 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Trong năm, Công ty không phát sinh chi phí lãi vay được vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến kỳ kế toán hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ đó. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

10. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế nhận được từ các chủ sở hữu của Công ty;

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của Công ty sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng thành viên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi :

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ kế toán giữa niên độ. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các kỳ trước mang sang, nếu có.

19. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

21. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào lĩnh vực kinh doanh xây lắp. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại khu vực tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ nói chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	600.248.361	24.116.348
Tiền gửi ngân hàng	29.697.509	720.357.492
Các khoản tương đương tiền	-	-
Tổng cộng	629.945.870	744.473.840

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**02. Phải thu khách hàng**

	30/06/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a) Phải thu ngắn hạn					
Phải thu từ khách hàng thông thường	31.731.936.626	-	39.030.036.613	-	
Công ty CP tập đoàn đầu tư Quảng Ninh	2.811.889.000	-	2.811.889.000	-	
Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	5.495.716.315	-	10.876.384.119	-	
Tổng công ty XD số 01-TNHH 1 thành viên	1.097.643.863	-	1.097.643.863	-	
Ban điều hành dự án NM nhiệt điện Thái Bình	10.701.739.654	-	11.609.098.356	-	
Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa	6.720.753.157	-	7.720.753.157	-	
Công ty TNHH Hùng Sơn	2.129.781.818	-	2.129.781.818	-	
Công ty TNHH DTXD và TM Bắc Nam	917.787.000	-	917.787.000	-	
Các khách hàng khác	1.856.625.819	-	1.866.699.300	-	
Phải thu từ bên liên quan	13.960.395.096	-	13.960.395.096	-	
Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc	12.245.671.252	-	12.245.671.252	-	
Công ty Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu Khí	1.714.723.844	-	1.714.723.844	-	
Tổng cộng	45.692.331.722	-	52.990.431.709	-	
b) Phải thu dài hạn					
Phải thu từ khách hàng thông thường	564.179.713	-	564.179.713	-	
Ban ĐH Dự án NM sơ sợi Polyester Hải Phòng	564.179.713	-	564.179.713	-	
Phải thu từ bên liên quan	70.527.225.079	-	70.527.225.079	-	
Tổng công ty xây lắp dầu khí Việt Nam	16.658.047.135	-	16.658.047.135	-	
Công ty CP xây dựng và dân dụng Dầu Khí (PVC-IC)	8.608.599.625	-	8.608.599.625	-	
Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	45.260.578.319	-	45.260.578.319	-	
Tổng cộng	71.091.404.792	-	71.091.404.792	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**03. Trả trước cho người bán**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
<i>Trả trước cho người bán thông thường</i>	1.254.229.437	-	1.742.630.686	-
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Đường Sáng	-	-	300.000.000	-
Công ty cổ phần công nghiệp Nam Sơn	420.000.000	-	420.000.000	-
Các khách hàng khác	834.229.437	-	1.022.630.686	-
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	1.088.870.000	-	1.088.870.000	-
Công ty cổ phần Anh Phát Nghi Sơn	1.088.870.000	-	1.088.870.000	-
Tổng cộng	2.343.099.437	-	2.831.500.686	-

Đơn vị: VND

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán thông thường</i>	4.703.017.470	-	4.703.017.470	-
Công ty CP khoáng sản xây dựng phụ gia xi măng Thanh Hoá	-	-	-	-
Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long	1.300.000.000	-	1.300.000.000	-
Công ty CP xây dựng và TM Hùng Đô	1.148.135.182	-	1.148.135.182	-
Doanh nghiệp tư nhân Quý Thắng	642.064.500	-	642.064.500	-
Công ty CP tư vấn và DTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	-	20.000.000	-
Các khách hàng khác	1.592.817.788	-	1.592.817.788	-
<i>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>	34.583.560.480	-	34.583.560.480	-
Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	29.355.863.103	-	29.355.863.103	-
Công ty CP xây lắp dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	-	3.499.319.305	-
Công ty CP đầu tư XD Vinaconex - PVC	1.728.378.072	-	1.728.378.072	-
Tổng cộng	39.286.577.950	-	39.286.577.950	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

04. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: VND

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	37.045.815.134	37.045.815.134	-	45.051.603.931	45.051.603.931	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	37.045.815.134	37.045.815.134	-	45.051.603.931	45.051.603.931	-
Tổng cộng	37.045.815.134	37.045.815.134	-	45.051.603.931	45.051.603.931	-

(*) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30/06/2020 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á và Ngân hàng TMCP Bản Việt với lãi suất từ 6%-6,7%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (*)	30/06/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	18.296.788.082	-	(18.296.788.082)	18.296.788.082	-	(18.296.788.082)
Tổng cộng	18.296.788.082	-	(18.296.788.082)	18.296.788.082	-	(18.296.788.082)

(*) Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (KSLK) có vốn điều lệ 190.000.000.000 đồng chia thành 19.000.000 cổ phần, Công ty sở hữu giữ 9,3% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Công ty thực hiện việc lập dự phòng cho khoản đầu tư trên căn cứ vào Báo cáo tài chính chưa được soát xét của Công ty CP Khách sạn Lam Kinh do Công ty CP Khách sạn Lam Kinh chưa hoàn thành báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**05. Phải thu khác**

	30/06/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a) <i>Ngắn hạn</i>	43.335.971.587	-	40.622.408.236	-	
<i>Tạm ứng</i>	5.957.258.445	-	6.642.799.637	-	
<i>Phải thu khác</i>	37.378.713.142	-	33.979.608.599	-	
<i>Thu của khách hàng thông thường</i>	34.176.679.700	-	32.528.323.803	-	
<i>Phải thu các nhà thầu Dự án Nghi Sơn {1}</i>	24.730.140.084	-	24.730.140.084	-	
<i>Công ty CP đầu tư và thương mại Dầu khí Sông Hồng {2}</i>	6.942.986.111	-	6.942.986.111	-	
<i>Công ty CP Kinh Doanh dịch vụ cao cấp Dầu Khí (PVCR)</i>	100.000.000	-	100.000.000	-	
<i>Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội</i>	368.151.493	-	-	-	
<i>Công ty Bảo hiểm PVI Thanh Hóa</i>	1.270.000.000	-	-	-	
<i>Các khách hàng khác</i>	765.402.012	-	755.197.608	-	
<i>Thu từ bên liên quan</i>	3.202.033.442	-	1.451.284.796	-	
<i>Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)</i>	362.654.029	-	362.654.029	-	
<i>Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC</i>	1.083.876.549	-	1.083.876.549	-	
<i>Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh</i>	4.754.218	-	4.754.218	-	
<i>Công ty CP xây dựng và dân dụng dầu khí (PVC-IC)</i>	1.750.748.646	-	-	-	
<i>Dài hạn</i>	28.097.020.893	-	28.097.020.893	-	
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	34.000.000	-	34.000.000	-	
<i>Phải thu khác</i>	28.063.020.893	-	28.063.020.893	-	
<i>Dương Trọng Hưng {3}</i>	7.598.015.237	-	7.598.015.237	-	
<i>Nguyễn Trung Liêm {4}</i>	7.122.279.690	-	7.122.279.690	-	
<i>Lương Hoàng {5}</i>	10.353.525.966	-	10.353.525.966	-	
<i>Khách hàng khác</i>	2.989.200.000	-	2.989.200.000	-	
Tổng cộng	71.432.992.480	-	68.719.429.129	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

05. Phải thu khác (tiếp theo)

- {1} Bao gồm các khoản chi phí quyền góp từ thiện, kinh phí khen thưởng Ban quản lý, chi phí xây dựng hệ thống chiếu sáng và các chi phí chung mà Công ty sẽ phân bổ cho các nhà thầu phụ tham gia công trình lọc hóa dầu Nghi Sơn theo tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu khi có quyết toán. Tại thời điểm 30/06/2020, tỷ lệ khối lượng của mỗi nhà thầu chưa được xác định nên Ban Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng thu hồi của khoản công nợ này.
- {2} Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 24/2011/HĐHTĐT-PVC.TH-PVSH ngày 8/9/2011, Công ty chuyển giao 27.500.000.000 tỷ đồng cho Công ty Dầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng để đầu tư vào dự án Khu đô thị PVSH Garden tại huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai với mức phí sử dụng vốn là 17%/năm trong 180 ngày kể từ thời điểm Công ty giao vốn. Bản chất kinh tế của hợp đồng là việc Công ty cho vay ngắn hạn với lãi suất 17%/năm. Hợp đồng gốc có thời hạn đáo hạn là 6 tháng kể từ ngày 9/9/2011. Khoản đầu tư này đã được gia hạn 3 lần, thời gian đáo hạn theo phụ lục số 3 là ngày 12/6/2013. Công ty đã dừng thu phí sử dụng vốn tại thời điểm 30/6/2013. Năm 2016, Công ty đã thu hồi 4.500.000.000 đồng, trong năm 2017 Công ty đã thu hồi 22.243.868.900 đồng và năm 2018, công ty đã thu hồi hoàn toàn khoản đầu tư này.
- Tại thời điểm 30/06/2020, số dư phí sử dụng vốn có giá trị 6.942.986.111 đã được Công ty Cổ phần Dầu tư Thương mại Dầu khí Sông Hồng xác nhận và trình bày như là một khoản phải thu khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá và cam kết khoản phí sử dụng vốn này sẽ được thu hồi trong tương lai.
- {3} Là khoản phải thu của ông Dương Trọng Hưng. Số tiền này bao gồm 7.464.542.727 đồng liên quan đến giá trị hoàn thành thi công tại công trình Dự án 157 ha Nghi Sơn từ năm 2011 nhưng chưa có hồ sơ chứng từ và 133.472.510 đồng liên quan đến công trình “Hệ thống mương hồ Taluy + san lấp” thuộc Dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn (gồm 8.173.608 đồng tiền thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, + 2.792.104 đồng tiền phạt chậm nộp thuế và 122.506.798 đồng là chi phí dở dang của công trình nhưng công ty đã kết chuyển sang nợ của ông Dương Trọng Hưng do xác định là chi phí không hợp lý của công trình và thuộc trách nhiệm của ông Dương Trọng Hưng – người của chi nhánh thuộc Công ty). Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, công ty chưa có bất kỳ văn bản nào khẳng định ông Dương Trọng Hưng nhận trách nhiệm về khoản phải thu nêu trên.
- {4} Là khoản phải thu của ông Nguyễn Trung Liêm. Số tiền này bao gồm: 6.322.323.851 đồng là chi phí dở dang của Công trình san lấp mặt bằng Dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng kết chuyển từ tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” và khoản thuế GTGT không được khấu trừ: 596.269.932 đồng của công trình trên do không có đủ Hồ sơ giấy tờ + 203.685.810 đồng tiền phạt chậm nộp thuế. Đây là công trình mà công ty giao cho chi nhánh thực hiện (ông Nguyễn Trung Liêm làm giám đốc chi nhánh của Công ty) nhưng khó có thể thu hồi được giá trị. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, công ty chưa có bất kỳ văn bản nào khẳng định ông Nguyễn Trung Liêm nhận trách nhiệm về khoản phải thu trên.
- {5} Là khoản phải thu của ông Lương Hoàng. Số tiền này bao gồm: 9.997.564.651 đồng là chi phí dở dang của “Dự án Nhà máy chế tạo cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng” được kết chuyển từ tài khoản 242 “Chi phí trả trước” và khoản thuế GTGT không được khấu trừ: 226.109.735 đồng của công trình trên + 129.851.580 đồng tiền thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của Dự án 157 ha Nghi Sơn. Các chi phí này thuộc các công trình do công ty thực hiện (thời điểm ông Lương Hoàng làm Giám đốc của công ty) nhưng khó có thể thu hồi được giá trị. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa có bất kỳ văn bản nào khẳng định ông Lương Hoàng nhận trách nhiệm về khoản phải thu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**06. Nợ xấu**

	30/06/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Cty CP tư vấn và ĐTPT Bắc Sông Mã	20.000.000	-	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)
Tổng cộng	20.000.000	-	(20.000.000)	20.000.000	(20.000.000)

Tại thời điểm 30/06/2020, Công ty có các khoản phải thu khó đòi với các khách hàng sau:

Đối tượng	30/06/2020		01/01/2020		
	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	
1. Công ty CP Xây dựng và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	8.608.599.625	4.304.299.813	8.608.599.625	8.608.599.625	
2. Công ty CP Xây lập Dầu khí Trường Sơn	3.499.319.305	1.749.659.653	3.499.319.305	1.749.659.653	
Cộng	12.107.918.930	6.053.959.465	12.107.918.930	10.358.259.278	1.749.659.653

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**07. Hàng tồn kho**

	30/06/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	42.264.051.214	-	30.044.432.885	-	
Thành phẩm	36.424.781.743	-	36.424.781.743	-	
<i>ĐA SLMB Liên hợp LHD Nghi Sơn</i>	<i>31.945.976.121</i>	<i>-</i>	<i>31.945.976.121</i>	<i>-</i>	
<i>ĐA 25ha Nghi Sơn</i>	<i>534.932.114</i>	<i>-</i>	<i>534.932.114</i>	<i>-</i>	
<i>An sinh xã hội</i>	<i>3.860.515.127</i>	<i>-</i>	<i>3.860.515.127</i>	<i>-</i>	
<i>Đá bazan</i>	<i>24.173.962</i>	<i>-</i>	<i>24.173.962</i>	<i>-</i>	
<i>Khác</i>	<i>59.184.419</i>	<i>-</i>	<i>59.184.419</i>	<i>-</i>	
Tổng cộng	78.688.832.957	-	66.469.214.628	-	

08. Chi phí trả trước

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.110.063.308	930.428.501		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	368.253.173	395.531.913		
Chi phí trả trước ngắn hạn	287.264.680	80.351.133		
Chi phí khác chờ phân bổ	454.545.455	454.545.455		
b) Dài hạn	57.770.234	57.770.234		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	57.770.234	57.770.234		
Tổng cộng	1.167.833.542	988.198.735		

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

09. Tài sản dở dang dài hạn

- a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn

Đơn vị: VND

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án "Khu Tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở" {1}	199.600.912.198	236.427.098.153	199.600.912.198	236.427.098.153
Tổng cộng	199.600.912.198	236.427.098.153	199.600.912.198	236.427.098.153

{1} Dự án có tên gọi "Khu tổ hợp Thương mại Dịch vụ nhà ở chung cư" của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại Thanh hóa được xây dựng trên khu đất có diện tích 32.275,5m² giáp Đại lộ Lê Lợi, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa. Dự án được chia làm 2 tiểu dự án thành phần gồm Dự án Khách sạn Lam Kinh trên khu đất có diện tích 18.791,9m² và Dự án giai đoạn hai trên khu đất có diện tích 13.483,6m².

Đối với Dự án Khách sạn Lam Kinh, ngày 30/11/2011, Công ty và Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (KSLK) ký kết hợp đồng chuyển nhượng Số 41/2011/HĐCN về việc Công ty chuyển nhượng dự án Khách sạn Lam Kinh cho KSLK. Tổng giá trị chuyển nhượng tài sản dự án "bằng giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng Khách sạn Lam Kinh đã được phê duyệt và kiểm toán theo quy định"

Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/ HĐTD-DH/0403210 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty cổ phần Bất động sản tài chính dầu khí Việt Nam đối với Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa). Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án. Theo đó, việc chuyển nhượng dự án phải được sự chấp thuận của Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa. Nghị quyết số 05/NQ-KSLK ngày 25/03/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Khách sạn Lam Kinh xác nhận điều kiện này, ngoài ra Nghị quyết cũng xác nhận giá trị chuyển theo giá trị quyết toán, đã bao gồm thuế VAT là 686.034.224.135 đồng. Trước ngày 01/01/2015, Công ty đã ghi nhận doanh thu chuyển nhượng dự án trên cơ sở giá tạm tính, tổng số doanh thu lũy kế đã được ghi nhận là 387.240.378.333 đồng và giá vốn tương ứng là 387.278.250.584 đồng.

Đối với Dự án giai đoạn 2, trong năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng dự án cho Công ty Cổ phần Mai Tuấn Nghĩa với doanh thu ghi nhận là 52.988.421.438 đồng và giá vốn được ghi nhận 37.513.152.163 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**09. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)**

- a) Chi phí SXKD dở dang dài hạn (tiếp theo)

	Lũy kế đến 30/06/2020	Lũy kế đến 30/06/2019
Chi phí SXKD dài hạn		
Giá chuyển nhượng (ước tính) của Dự án (bao gồm cả giai đoạn	676.655.897.924	676.655.897.924
Phần doanh thu đã ghi nhận (bao gồm cả giai đoạn 2)	440.228.799.771	440.228.799.771
Giá trị có thể thu hồi từ dự án	236.427.098.153	236.427.098.153
Giá trị dở dang của dự án theo giá gốc	199.600.912.198	199.600.912.198
Lãi/Lỗ tiềm tàng	36.826.185.955	36.826.185.955

Chi phí đi vay 06 tháng đầu năm 2020 (ước tính) liên quan đến dự án là 18.238.797.467 đồng. Khoản lãi tiền vay phát sinh từ năm 2015 đến thời điểm 30/06/2020 là 201.133.405.395 đồng (ước tính) chưa được ghi nhận là do Công ty đang trong quá trình thương thảo với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa về việc điều chỉnh giảm lãi suất cho vay. Căn cứ hợp lý của việc điều chỉnh là Công ty đã không còn kiểm soát nguồn doanh thu của dự án với tư cách chủ sở hữu từ thời điểm ghi nhận khoản doanh thu chuyển nhượng dự án lần đầu tiên). Ban Giám đốc đánh giá một cách thận trọng và tin tưởng rằng Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa sẽ chấp thuận việc chuyển nhượng dự án và điều chỉnh giảm lãi suất cho vay.

- b) Xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án 157 ha Nghi Sơn {2}	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472	19.367.945.472
Xây dựng nhà xưởng chế biến vật liệu PGXM Bim Sơn	140.000.000	140.000.000	140.000.000	140.000.000
Tổng cộng	19.507.945.472	19.507.945.472	19.507.945.472	19.507.945.472

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản dở dang dài hạn (tiếp theo)

b) Xây dựng cơ bản dở dang (tiếp theo)

{2} Liên quan tới Dự án 157 ha Nghi Sơn, ngày 01/08/2013, Ban quản lý khu kinh tế Nghi Sơn đã ra quyết định số 235/QĐ-BQLKKTNS về việc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận đầu tư số 26221000081 ngày 23/10/2010 chấm dứt toàn bộ các hoạt động của Công ty liên quan đến dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp I và khu tập kết vật tư, thiết bị xây dựng khu liên hợp hóa dầu Nghi Sơn và thực hiện các thủ tục thanh lý dự án theo đúng quy định của pháp luật. Ngày 24/09/2014, Công ty đã có biên bản làm việc với đối tác là Tổng Công ty Dầu tư và Xây dựng An Phát – CTCP về việc thỏa thuận hoàn trả chi phí đã đầu tư tại dự án, tổng số là 26.422.536.093 đồng, trong đó giá trị đầu tư thông nhất được hoàn trả là 14.760.774.232 đồng, giá trị chưa được thống nhất là 11.661.761.861 đồng liên quan tới chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Công ty đã ứng cho các hộ dân để thu hồi đất do chưa hoàn thiện các thủ tục có liên quan. Trong năm 2017, Công ty ghi nhận khoản doanh thu có giá trị 8.457.020.096 đồng tại công trình này, đồng thời ghi nhận khoản giá vốn có giá trị tương ứng là 8.457.020.096 đồng, trong đó bao gồm 6.045.454.545 đồng chi phí nhà thầu phụ kết chuyển từ tài khoản phải trả và 2.411.565.551 đồng ghi giảm số dư của dự án. Năm 2019, dự án chưa phát sinh doanh thu và giá vốn.

Nội dung	Tổng số	Doanh thu / Giá vốn	Giá trị còn lại
Giá trị đầu tư đã thực hiện	26.422.536.093	8.457.020.096	17.965.515.997
Chi phí thực hiện theo giá gốc	28.467.030.068	8.457.020.096	20.010.009.972
Trong đó:			
Số dư XD/CB dở dang			19.367.945.472
Số dư trả trước cho người bán			642.064.500
Lãi / lỗ dự án	(2.044.493.975)	-	(2.044.493.975)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
<i>Số dư tại 01/01/2020</i>	3.985.933.739	1.461.521.749	4.746.959.290	196.699.676	10.391.114.454
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	-	-	62.727.273	62.727.273
- Mua trong kỳ	-	-	-	62.727.273	62.727.273
<i>Giảm trong kỳ</i>	3.692.405.257	-	-	-	3.692.405.257
- Thanh lý, nhượng bán	3.692.405.257	-	-	-	3.692.405.257
<i>Số dư tại 30/06/2020</i>	293.528.482	1.461.521.749	4.746.959.290	259.426.949	6.761.436.470
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
<i>Số dư tại 01/01/2020</i>	3.878.850.821	1.401.978.283	4.746.959.290	196.699.676	10.224.488.070
<i>Tăng trong kỳ</i>	-	10.151.514	-	3.439.884	13.591.398
- Khấu hao trong kỳ	-	10.151.514	-	3.439.884	13.591.398
<i>Giảm trong kỳ</i>	3.592.405.256	-	-	-	3.592.405.256
- Thanh lý, nhượng bán	3.592.405.256	-	-	-	3.592.405.256
<i>Số dư tại 30/06/2020</i>	286.445.565	1.412.129.797	4.746.959.290	200.139.560	6.645.674.212
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
<i>Tại 01/01/2020</i>	107.082.918	59.543.466	-	-	166.626.384
<i>Số dư tại 30/06/2020</i>	7.082.917	49.391.952	-	59.287.389	115.762.258

Đơn vị: VND

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.465.367.004 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Tăng giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị: VND

Khoản mục	01/01/2020	Tăng	Giảm	30/06/2020
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	73.235.868.711	-	-	73.235.868.711
- Nhà và quyền sử dụng đất	73.235.868.711			73.235.868.711
Giá trị hao mòn lũy kế	20.599.465.361	879.314.856	-	21.478.780.217
- Nhà và quyền sử dụng đất	20.599.465.361	879.314.856		21.478.780.217
Giá trị còn lại	52.636.403.350	-	-	51.757.088.494
- Nhà và quyền sử dụng đất	52.636.403.350			51.757.088.494

Bất động sản đầu tư cho thuê duy nhất mà Công ty sở hữu và kinh doanh từ năm 2015 là tòa nhà Dầu khí, đặt tại số 38A, Đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư này để đảm bảo cho khoản tiền vay tại ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam.

Ngoài ra, Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 5 – “Bất động sản đầu tư” thì Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2020 cần được trình bày trong báo cáo tài chính. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của Tòa nhà Dầu khí nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30/06/2020 chưa được trình bày trong báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

Ngoài ra, như đã được trình bày tại Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, ngày 16/01/2020, một vụ hỏa hoạn nghiêm trọng đã xảy ra tại tòa nhà dầu khí Thanh Hóa địa chỉ tại số 38A đại lộ Lê Lợi, thành phố Thanh Hóa. Trong giai đoạn từ 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, tòa nhà không thể hoạt động và Công ty vẫn chưa được phép sửa chữa do cơ quan chức năng đang trong quá trình điều tra về vụ cháy.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ	
Vay dài hạn					
Vay dài hạn ngân hàng (VND)					
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	309.466.797.779	309.466.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779
Vay dài hạn các đối tượng khác (VND)					
Lê Văn Khoa	-	-			400.000.000
Nguyễn Trung Liêm	119.113.274	119.113.274			119.113.274
Vũ Thúy Hạnh	1.867.430.000	1.867.430.000			1.867.430.000
Nguyễn Duy Linh	400.000.000	400.000.000			-
Tổng cộng	309.866.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779	309.866.797.779

(*) Ngày 11/01/2011 Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2010/HĐTD-DH/0403210, Phụ lục hợp đồng số 01/2010/ HĐTD-DH/0403210. Mục đích sử dụng vốn là thanh toán các chi phí thuộc tổng mức đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh với hạn mức 295.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 15/4/2022. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 3 tháng 1 lần tính từ ngày 15/01/2011, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 27/12/2010. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư dự án Khách sạn Lam Kinh, nguồn thu từ dự án và toàn bộ quyền thụ hưởng của chủ đầu tư từ dự án.

Ngày 28/01/2011, Công ty nhận lại khoản vay dài hạn từ Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam vay của Công ty Tài chính Dầu khí Thanh Hóa (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa) theo Hợp đồng tín dụng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08, phụ lục hợp đồng số 14/HĐTD-DH/PVFC TL08 và biên bản đối chiếu công nợ ngày 28/1/2011. Số tiền vay là 26.259.885.960 đồng, mục đích sử dụng vốn là đầu tư tòa nhà văn phòng tại 38A Đại lộ Lê Lợi, thời hạn vay là 10 năm tính từ ngày 24/12/2010, lãi tiền vay trả định kỳ theo quý tính từ ngày 24/12/2010, lãi suất được điều chỉnh theo quý. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ Tòa nhà Dầu khí tại 38A Lê Lợi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán**

	30/06/2020		01/01/2020		Đơn vị: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	10.906.019.518	10.906.019.518	10.291.682.393	10.291.682.393	
<i>Phải trả người bán thông thường</i>	<i>9.764.392.768</i>	<i>9.764.392.768</i>	<i>8.523.252.425</i>	<i>8.523.252.425</i>	
Tổng công ty XD số 01-TNHH 1 thành viên	2.095.774.360	2.095.774.360	2.015.783.360	2.015.783.360	
Công ty Cổ phần điện máy vật tư xây dựng 05 hàng Đồng	264.723.107	264.723.107	833.041.872	833.041.872	
Công ty cổ phần thương mại xây dựng Thái long	386.240.000	386.240.000	480.480.000	480.480.000	
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	23.866.800	23.866.800	407.908.755	407.908.755	
Công ty xây lắp điện TNP Việt Nam	480.429.026	480.429.026	480.429.026	480.429.026	
Công ty TNHH MTV Nam Khánh	286.479.393	286.479.393	286.479.393	286.479.393	
Các khách hàng khác	6.226.880.082	6.226.880.082	4.019.130.019	4.019.130.019	
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>	<i>1.141.626.750</i>	<i>1.141.626.750</i>	<i>1.768.429.968</i>	<i>1.768.429.968</i>	
Tổng Công ty Đầu tư XD & TM Anh Phát	-	-	626.803.218	626.803.218	
CN xây lắp công trình dầu khí phía Bắc - PVC	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750	1.141.626.750	
b) Dài hạn	71.799.482.661	71.799.482.661	71.799.482.661	71.799.482.661	
<i>Phải trả người bán thông thường</i>	<i>21.501.684.199</i>	<i>21.501.684.199</i>	<i>21.428.487.417</i>	<i>21.428.487.417</i>	
Tổng Công ty xây dựng Trường Sơn	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	6.899.276.718	
Công ty cổ phần COSEVCO 1	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	4.268.443.861	
Công ty TNHH Minh Hằng	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	2.361.558.818	
DNTN xây dựng Bắc Sơn	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	1.549.327.975	
Công ty CP Khai thác Khoáng sản Nghệ An	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477	1.318.048.477	
Công ty TNHH Tùng Giang	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111	1.233.761.111	
Các khách hàng khác	3.871.267.239	3.871.267.239	3.798.070.457	3.798.070.457	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Phải trả người bán (tiếp theo)**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b) Dài hạn				
<i>Phải trả người bán là bên liên quan</i>				
Công ty CP đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	50.297.798.462	50.297.798.462	50.370.995.244	50.370.995.244
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770	24.818.030.770
Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	21.012.012.224	21.012.012.224	21.712.012.224	21.712.012.224
Công ty CP trang trí nội thất Dầu Khí	1.781.771.063	1.781.771.063	1.781.771.063	1.781.771.063
Công ty CP thương mại Dầu khí Nghệ An	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979	1.194.563.979
Tổng Công ty Đầu tư XD & TM Anh Phát	810.495.359	810.495.359	810.495.359	810.495.359
Công ty CP xây lắp dầu khí Nghệ An	626.803.218	626.803.218	-	-
	54.121.849	54.121.849	54.121.849	54.121.849
Tổng cộng	82.705.502.179	82.705.502.179	82.091.165.054	82.091.165.054

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Khách hàng thông thường</i>	<i>1.121.219.919</i>	<i>1.308.949.589</i>
Công ty TNHH EAGLEBURMANN Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần tập đoàn FLC Faros	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	200.000.000	500.000.000
Các khách hàng khác	421.219.919	308.949.589
<i>Khách hàng là bên liên quan</i>	<i>44.213.000</i>	<i>44.213.000</i>
Công ty ĐTXD và TM Anh Phát - CTCP	44.213.000	44.213.000
Tổng cộng	1.165.432.919	1.353.162.589

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

a) Phải nộp	Đầu kỳ	Đã nộp	Phải nộp	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	31.084.695			31.084.695
Thuế thu nhập cá nhân	32.826.948	16.121.013	9.065.706	25.771.641
Thuế tài nguyên	3.953.586	-	-	3.953.586
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	476.729.637	476.729.637
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.823.990	-		2.823.990
Tổng cộng	70.689.219	19.121.013	488.795.343	540.363.549
b) Phải thu	Đầu kỳ	Đã nộp	Phải nộp	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng		-		-
Thuế TNDN	60.521.822			60.521.822
Tổng cộng	60.521.822	-	-	60.521.822

16. Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	97.729.679	97.729.679
Công trình lán trại tạm 8,2 ha	97.729.679	97.729.679
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	97.729.679	97.729.679

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	254.144.411
Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng và dịch vụ khác	-	254.144.411
b) Dài hạn	18.045.790.257	18.288.770.051
Bất động sản đầu tư cho thuê	18.045.790.257	18.288.770.051
Tổng cộng	18.045.790.257	18.542.914.462

18. Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	81.745.578.064	80.672.303.868
Kinh phí công đoàn	193.353.189	184.255.201
Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.552.224.875	80.488.048.667
Cụ thể:	-	-
Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam	81.281.837.433	80.206.629.331
Đối tượng khác	266.387.442	281.419.336
Phải trả các bên liên quan	-	-
- Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	4.000.000	-
b) Dài hạn	-	-
Tổng cộng	81.745.578.064	80.672.303.868

19. Vốn chủ sở hữu"

Đơn vị: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(86.843.600.015)	131.079.877.565
- Lỗi năm trước	-	-	-	(7.777.259.512)	(7.777.259.512)
Số dư ngày 31/12/2019	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(94.620.859.527)	123.302.618.053
Số dư ngày 01/01/2020	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(94.620.859.527)	123.302.618.053
- Lãi (lỗ) kỳ này	-	-	-	(1.839.774.166)	(1.839.774.166)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	210.000.000.000	1.567.942.490	6.355.535.090	(96.460.633.693)	121.462.843.887

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Đối tượng		
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	75.600.000.000	75.600.000.000
Tổng Cty ĐTXD & TM Anh Phát	1.400.000.000	36.750.000.000
Ban Điều hành Liên hiệp Lọc hóa dầu Nghi Sơn		18.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	31.000.000.000	32.000.000.000
Các cổ đông khác	102.000.000.000	47.650.000.000
Cộng	210.000.000.000	210.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ		
Vốn góp giảm trong năm		
Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	21.000.000	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / cp)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	499.039.551	2.134.993.694
Doanh thu xây lắp	5.701.965.633	10.767.767.851
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.068.723	641.344.584
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	6.229.073.907	13.544.106.129

02. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	1.601.067.166	2.061.689.862
Giá vốn xây lắp	5.473.887.008	10.467.425.688
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	95.183.224	310.400.730
Tổng cộng	7.170.137.398	12.839.516.280

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.604.219.812	1.517.297.610
Lãi chậm thanh toán	1.750.748.646	-
Tổng cộng	3.354.968.458	1.517.297.610

04. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền vay	1.075.208.102	1.063.392.626
Tổng cộng	1.075.208.102	1.063.392.626

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Mẫu số B 09a-DN****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)****05. Thu nhập khác**

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chuyển nhượng tài sản	50.000.000	
Thanh lý vật tư		14.850.000
Thu nhập khác		13.956.228
Tổng cộng	50.000.000	28.806.228

06. Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Thanh lý tài sản cố định	100.000.001	153.497.444
Tiền phạt thuế và phạt khác	1.609.793	5.208.907
Chi phí khác		92.654.390
Tổng cộng	101.609.794	251.360.741

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.945.347.910	9.068.748.815
Chi phí nhân công	6.187.190.775	5.614.441.367
Chi phí khấu hao TSCĐ	882.754.740	1.063.935.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.045.595.680	3.121.244.462
Chi phí khác bằng tiền	1.600.547.649	2.831.211.584
Tổng cộng	22.661.436.754	21.699.581.346

08. Lãi cơ bản / suy giảm trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 VND	Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	(1.840.504.666)	(2.679.366.236)
Lợi nhuận dự kiến giữ lại để phân bổ Quỹ KT, PL		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	(1.840.504.666)	(2.679.366.236)
Cổ phiếu lưu hành bình quân năm	21.000.000	21.000.000
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (*)	(88)	(128)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ THANH HÓA

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

02. Giao dịch đối với bên liên quan

a) Thông tin

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Quan hệ</u>
- Tổng Công ty xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	Chi nhánh của cổ đông lớn
- Tổng Công ty ĐTXD & TM Anh Phát	Cổ đông lớn
- Công ty CP Khách sạn Dầu khí Lam Kinh	Công ty liên kết
- Công ty CP thi công cơ giới và lắp máy dầu khí	Công ty con của cổ đông lớn
- Công ty CP Xây lắp dầu khí Hà Nội	Công ty con của cổ đông lớn
- Công ty CP Đầu tư xây dựng Vinaconex-PVC	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Xây lắp dầu khí Trường Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Xây lắp dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Thương mại dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Xây dựng công nghiệp và dân dụng Dầu khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu Khí	Công ty liên kết của cổ đông lớn
- Công ty CP Anh Phát Nghi Sơn	Công ty liên kết của cổ đông lớn

b) Giao dịch với Bên liên quan

<u>Giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020</u>	<u>Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019</u>
Doanh thu và thu nhập khác	1.756.748.646	-
- Công ty CP xây dựng và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	1.750.748.646	
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí -PVC	6.000.000	

03. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2019 với kết luận ngoại trừ và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 với ý kiến từ chối đưa ra ý kiến bởi cùng công ty kiểm toán.

Người lập biểu

Trịnh Thị Hoạt

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Quang

Thanh Hóa, ngày 19 tháng 03 năm 2021

Giám đốc



Đoàn Hữu Trắc